

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông cấp tỉnh năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;*

*Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông Trung ương giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định tạm thời các định mức kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương lĩnh vực chăn nuôi; Quyết định số 918/QĐ-BNN ngày 05/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt quy định tạm thời nội dung, mức hỗ trợ và mức chi cho các hoạt động khuyến nông; Quyết định số 663/QĐ-BNN-KN ngày 28/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương; Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật khuyến nông Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 134/2020/NQ-HĐND ngày 01/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 60/2027/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định một số mức chi về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND, ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Sơn La ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện các dự án, mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Sơn La;*

*Căn cứ Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của UBND tỉnh Sơn La Phê duyệt Chương trình khuyến nông địa phương giai đoạn 2026- 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1358/TTr-SNNMT ngày 25/11/2025, ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 4824/STC-TCHCSN ngày 14/11/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch Khuyến nông cấp tỉnh năm 2026, với những nội dung sau:

**1. Tên kế hoạch:** Kế hoạch Khuyến nông cấp tỉnh năm 2026.

**2. Cơ quan chủ quản:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**3. Cơ quan thực hiện:** Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp.

**4. Địa điểm, thời gian thực hiện:**

a) Địa điểm: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

b) Thời gian: Năm 2026.

**5. Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện:**

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường.

b) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

**6. Nội dung, quy mô, địa điểm thực hiện**

- Chương trình Thông tin, tuyên truyền: 9 nội dung.

- Tập huấn, tư vấn kỹ thuật, tổ chức sản xuất nông lâm nghiệp cho đối tượng nhận chuyển giao : 11 lớp.

- Xây dựng mô hình chuyển giao kỹ thuật: 06 mô hình (04 mô hình triển khai mới; 02 mô hình chuyển tiếp).

| STT      | Các chương trình, mô hình                  | ĐVT | Quy mô | Kinh phí Nhà nước hỗ trợ (nghìn đồng) | Địa bàn thực hiện |
|----------|--------------------------------------------|-----|--------|---------------------------------------|-------------------|
|          | <b>TỔNG CỘNG:</b>                          |     |        | <b>7.423.400</b>                      |                   |
| <b>A</b> | <b>CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN</b> |     |        | <b>1.274.600</b>                      |                   |

|          |                                                                                                                                                |            |           |                  |                                                               |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1        | Xây dựng Phóng sự khuyến nông và bài điểm giá thị trường trên Báo - Phát thanh Truyền hình Sơn La (12 phóng sự/năm)                            | Năm        | 1         | 146.600          | Phạm vi trong tỉnh                                            |
| 2        | Tuyên truyền hoạt động Khuyến nông trên Báo - Phát thanh Truyền hình Sơn La: 4 trang báo/1 năm                                                 | Năm        | 1         | 40.000           | Theo hợp đồng với đơn vị thực hiện                            |
| 3        | Tuyên truyền hoạt động khuyến nông trên Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Bắc: 12 phóng sự/1 năm                                              | Năm        | 1         | 40.000           |                                                               |
| 4        | Tuyên truyền hoạt động khuyến nông trên Báo Nông thôn ngày nay                                                                                 | Năm        | 1         | 40.000           |                                                               |
| 5        | Hội thảo đầu bờ “Hiệu quả giải pháp tưới nước tiết kiệm kết hợp công nghệ quản lý sức khỏe đất và cây trồng”                                   | Hội thảo   | 1         | 57.600           | Xã Vân Hồ                                                     |
| 6        | Hội thảo đầu bờ “Tiềm năng phát triển nuôi cá lồng bè hồ thủy điện”                                                                            | Hội thảo   | 1         | 52.000           | Xã Quỳnh Nhai                                                 |
| 7        | Tọa đàm nông nghiệp "Đổi mới sáng tạo và kỹ thuật ứng dụng trong phát triển nông nghiệp xanh"                                                  | Tọa đàm    | 1         | 128.550          | Xã Chiềng Sung                                                |
| 8        | Diễn đàn nông nghiệp “Tăng cường năng lực quản trị và chuyển đổi số cho Hợp tác xã nông nghiệp xây dựng thương hiệu gắn với du lịch sinh thái” | Diễn đàn   | 1         | 223.850          | Phường Tô Hiệu                                                |
| 9        | Biên tập, biên soạn, thiết kế, in ấn, phát hành nông lịch song ngữ Sơn La năm 2027 (10.000 cuốn)                                               | Cuốn       | 10.000    | 546.000          | Phát hành trên địa bàn toàn tỉnh                              |
| <b>B</b> | <b>ĐÀO TẠO TẬP HUẤN, TƯ VẤN KỸ THUẬT, TỔ CHỨC SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP CHO ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN GIAO VÀ NHẬN CHUYỂN GIAO</b>                       | <b>Lớp</b> | <b>11</b> | <b>509.300</b>   | <b>Dự kiến tổ chức tại trung tâm các xã trên địa bàn tỉnh</b> |
| <b>C</b> | <b>XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHUYỂN GIAO KHOA HỌC KỸ THUẬT</b>                                                                                          |            |           | <b>5.648.500</b> |                                                               |
| <b>I</b> | <b>MÔ HÌNH MỚI</b>                                                                                                                             |            |           |                  |                                                               |
| <b>1</b> | <b>Lĩnh vực trồng trọt</b>                                                                                                                     |            |           | <b>2.123.600</b> |                                                               |
| 1.1      | Mô hình Thâm canh mặn giải vụ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm                                                                               | Ha         | 03        | 897.900          | Xã Phiêng Khoài; Phường Chiềng Cơi                            |

|           |                                                                                                                     |     |       |                  |                                                                                                                                    |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.2       | Mô hình Trồng thâm canh chanh leo vàng theo GAP gắn với tiêu thụ sản phẩm                                           | Ha  | 7     | 1.125.700        | Xã Phiêng Cằm, xã Phiêng Păn (Triển khai thực hiện tại các bản đặc biệt khó khăn. Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình) |
| <b>2</b>  | <b>Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản</b>                                                                                 |     |       | <b>3.199.400</b> |                                                                                                                                    |
| 2.1       | Mô hình Chăn nuôi dúi mốc thương phẩm                                                                               | Con | 2.000 | 1.376.900        | Xã Chiềng Khương; Huổi Một; Mường Giôn; Mường Chiên; Phường Chiềng Sinh                                                            |
| 2.2       | Mô hình Nuôi cá trắm đen trong lồng bè theo hướng VietGAP gắn với du lịch vùng lòng hồ                              | Con | 6.000 | 1.822.500        | Xã Mường Sại; Chiềng Lao (Triển khai thực hiện tại các bản đặc biệt khó khăn. Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình)     |
| <b>II</b> | <b>MÔ HÌNH CHUYỂN TIẾP</b>                                                                                          |     |       | <b>325.520</b>   |                                                                                                                                    |
| 1         | Mô hình trồng thâm canh trà hoa vàng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (chăm sóc năm thứ 2) (nhà nước hỗ trợ 100%) | Ha  | 4     | 246.960          | Xã Phiêng Cằm; xã Mường É                                                                                                          |
| 2         | Mô hình Trồng thâm canh chôm chôm theo VietGap gắn với hệ thống tưới âm (chăm sóc năm thứ 3) (nhà nước hỗ trợ 100%) | Ha  | 1     | 78.560           | Xã Huổi Một                                                                                                                        |

## 7. Vốn và nguồn vốn:

Ngân sách Nhà nước cấp: **7.432.400.000** đồng.

## 8. Phương thức hỗ trợ

Vốn ngân sách tỉnh: Đầu tư hỗ trợ không thu hồi (*giống, các chi phí triển khai, thông tin tuyên truyền và một phần vật tư thiết yếu*) để xây dựng mô hình; đào tạo, tập huấn, tham quan, thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát...

## 9. Tổ chức thực hiện

### a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định phê duyệt Kế hoạch Khuyến nông theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu đề ra. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo, đúng các quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có sự thay đổi về nội dung kế hoạch (*quy mô, địa điểm, tăng giảm kinh phí thực hiện từng mô hình*) Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tế ở các địa phương.

b) Sở Tài chính: Trên cơ sở nguồn kinh phí ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến nông năm 2025, theo dõi cấp phát kinh phí theo tiến độ sử dụng vốn theo Kế hoạch Khuyến nông tỉnh năm 2026 được phê duyệt.

c) Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này; quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và quy định của văn bản có liên quan.

- Giống, vật tư kỹ thuật phục vụ cho mô hình phải có trong danh mục được phép sản xuất; đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định và làm đầy đủ các thủ tục cần thiết khác có liên quan trong quá trình triển khai mô hình.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường: Chỉ đạo các Phòng, đơn vị liên quan phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp triển khai hoàn thành các mô hình khuyến nông trên địa bàn các xã, phường năm 2026.

e) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp triển khai các nội dung được phê duyệt.

f) Chế độ báo cáo: Từ ngày 10/12/2026 đến 15/12/2026, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*). Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh trước 18/12/2026.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực X; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các ngành cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 10b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Công**